TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

BẢN ÁN SỐ: 81 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2023
(*V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ: Ông Phạm Văn Toàn.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN: 1/ Bà Nguyễn Thị Phẩm

2/ Bà Bùi Thị Hảo

THƯ KÝ PHIÊN TOÀ: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:87/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D), sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ hiện tại: Số I, đường D, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan.

+ Người được ủy quyền của nguyên đơn nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và chi phí tố tụng: Anh Phạm Tiến H1 , sinh năm 1999 (ĐT 078.421.7682) và chị Vũ Thị C, sinh năm 2000 (ĐT 081.736.1568); Đều có địa chỉ: T, số C phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Lê Đức H2, sinh ngày 26/07/1981; Hộ khẩu thường trú: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại đang ở Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Đức C1, sinh năm 1952 và bà Vũ Thị C2, sinh năm 1953; Đều có địa chỉ: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D, ông C1, bà C2 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D) trình bày:

Chị và anh Lê Đức H2 đăng ký kết hôn ngày 03/ 12 /2007 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2018 chúng tôi sang Đài Loan làm việc, khoảng năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên có sự khác nhau về quan điểm sống, phong cách sinh hoạt dẫn đến nhiều cãi vã, không còn tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không hạnh phúc. Vì nghĩ thương các con, chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện lại, cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng hai bên vẫn không có được tiếng nói chung. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, không còn tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh H2. Tại đơn đề nghị ngày 10/3/2023 xác nhận chị Đỗ Thị D và chị Đỗ Thị Kim D là cùng một người.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Tấn D2, sinh ngày 27/06/2008 và Lê Thị Thanh M, sinh ngày 01/01/2011. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với ông bà nội của cháu.

Khi Ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Lê Đức H2 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H2 hiện tại đang ở Đài Loan, chị đề nghị tạm giao cho ông Lê Đức C1, *sinh năm 1952* và bà Vũ Thị C2, *sinh năm 1953 (Bố mẹ đẻ anh H2, Đều có địa chỉ: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ* trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D2 và cháu M cho đến khi anh H2 về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu 3.000.000đ /1 cháu /1 tháng x 02 cháu, tổng là 6.000.000 đồng /1 tháng/ 2 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn chị D tự nguyện chịu.

- Bị đơn: Anh Lê Đức H2. Vắng mặt.

Tại các bản khai ông Lê Đức C1 và bà Vũ Thị C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh Lê Đức H2 là con của ông với bà C2 hiện đang ở Đài Loan. Ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh H2 qua điện thoại, nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H2 tại Đài Loan nên ông bà không thể cung cấp địa chỉ tại Đài Loan của anh H2 cho Tòa án. Anh H2 không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với chị D, nên ông bà đồng ý nhận thay anh H2 các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông báo trực tiếp cho anh H2. Quan điểm của anh H2 nhất trí ly hôn với chị D, về con chung anh H2 đề nghị được nuôi dưỡng cháu cháu Lê Tấn D2, sinh ngày 27/06/2008 và Lê Thị Thanh M, sinh ngày 01/01/2011 và nhất trí việc chị M cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/1 tháng/1 cháu. Hai

cháu là 6.000.000đồng/1 tháng, do hai cháu đang ở với ông bà nên anh H2 đề nghị tạm giao cho ông bà nuôi, khi nào anh H2 về nước anh H2 nuôi. Nếu vợ chồng anh H2 chị D ly hôn ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D2 và cháu M cho đến khi anh H2 về Việt Nam.

Công sức đóng góp, tài sản chung, anh H2 và chị D không có. Nợ chung của vợ chồng chị D và anh H2 ông bà không biết. Ông C1 và bà chép đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà.

Tại các bản tự khai cháu Lê Tấn D2 và Lê Thị Thanh M đều đề nghị được ở với bố là Lê Đức H2.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D) xử:

Cho chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Lê Đức H2.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Tấn D2, sinh ngày 27/06/2008 và Lê Thị Thanh M, sinh ngày 01/01/2011 cho anh Lê Đức H2 nuôi dưỡng. Hiện anh H2 đang ở Đài Loan nên tạm giao hai cháu cho ông Lê Đức C1 và bà Vũ Thị C2 (là ông bà nội cháu D2 và cháu M) chăm sóc đến khi anh H2 về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con chị D tự nguyện chịu 6.000.000đ cho 2 cháu /1 tháng/ 2 cháu. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D) đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Đức H2; trú tại Hộ khẩu thường trú: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại đang ở Đài Loan. Anh H2 hiện đang lao động tại Đài Loan. Tại văn bản số: 22424/QLXNC-P5 ngày 30/8/2023 của Cục Q – Bộ C4 xác định anh Lê Đức H2 xuất cảnh ngày 03/6/2023 , hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước (BL61,62). Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng

thẩm quyền.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện chị D không cung cấp được địa chỉ của anh H2 tại Đài Loan, quá trình giải quyết cũng không cung cấp được địa chỉ của anh H2 tại Đài Loan. Ông C1 và bà C2 là bố mẹ anh H2 thừa nhận anh H2 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại, ông bà cũng đã thông báo cho anh H2 biết việc chị D xin ly hôn anh H2. Tòa án đã yêu cầu cung cấp địa chỉ, nhưng ông bà không cung cấp địa chỉ của anh H2. Căn cứ công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình thì đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Về việc vụ án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được: Do anh H2 đang ở Đài Loan. Chị D có đơn đề nghị Tòa án không không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và không mở phiên họp hòa giải vì vợ chồng chị không thể hàn gắn được và chị có đơn xin vắng mặt. ông C1 và bà C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt . Vì vậy, Tòa án thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ và không hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 5 điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung xét xử vắng mặt anh H2, chị D và ông bà Cần C3.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Đỗ Thị D và anh Lê Đức H2 được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 03 / 12/2007 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Theo đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị D và anh Lê Đức H2 là hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cho thấy vợ chồng anh H2 và chị D sống xa nhau, không có sự gần gũi, quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị Đỗ Thị D xin ly hôn với anh Lê Đức H2 có căn cứ được chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Đức H2 vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp pháp. Ông C1 và bà C3 (bố đẻ anh H2) xác định anh H2 hiện đang lao động tại Đài Loan, thường xuyên liên lạc với ông và gia đình qua điện thoại nhưng ông không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H2, việc chị D xin ly hôn anh H2 có biết và có đồng ý ly hôn. Ông bà cam kết nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H2. Việc anh H2 biết và không có mặt tại các buổi làm việc với Tòa án, không có bản tự khai gửi Tòa án thể hiện với việc anh H2 từ chối quyền trình bày tại Tòa án.

Về con chung: Chị D, anh H2 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Tấn D2, sinh ngày 27/06/2008 và Lê Thị Thanh M, sinh ngày 01/01/2011

Khi ly hôn chị D đề nghị giao hai cháu D2 và M cho anh Lê Đức H2 nuôi dưỡng. Ông Lê Đức C1 và bà Vũ Thị C2 cũng đề nghị giao hai con chung là cháu D2 và cháu M cho anh H2 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng theo đề nghị của anh H2. Trong thời gian anh H2 ở nước ngoài ông bà đồng ý nhận nuôi hai cháu vì hai cháu ở với ông bà từ nhỏ, anh H2, ông C1 và bà C2 cũng đồng ý với quan điểm của chị D về việc chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu D2 và cháu M mỗi cháu 3.000.000đồng/1 tháng/1 cháu, hai cháu là 6.000.000 đồng /1 tháng/2 cháu. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận, nên giao cháu Lê Tấn D2, sinh ngày 27/06/2008 và Lê Thị Thanh M, sinh ngày 01/01/2011 cho anh Lê Đức H2 nuôi dưỡng . Ông Lê Đức C1 và bà Vũ Thị C2 tạm thời trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu cho đến khi anh H2 về Việt Nam. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết, anh H2 không có mặt ở Việt Nam nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này anh H2 có đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

[4]Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 5 điều 477; Khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 279 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D)

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D) được ly hôn anh Lê Đức H2.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Tấn D2, sinh ngày 27/06/2008 và Lê Thị Thanh M, sinh ngày 01/01/2011cho anh Lê Đức H2 chăm sóc, nuôi dưỡng. chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D) cấp dưỡng nuôi cháu Lê Tấn D2 và cháu Lê Thị Thanh M M mỗi cháu 3.000.000đồng/1 tháng/1 cháu, hai cháu là 6.000.000 đồng /1 tháng kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi hai cháu thành niên. Trong thời gian anh H2 không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Lê Tấn D2 và cháu Lê Thị Thanh M cho ông Lê Đức C1 và bà Vũ Thị C2 (là ông bà nội cháu D2 và cháu M) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi anh H2 về Việt Nam. Chị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Đỗ Thị D (Đỗ Thị Kim D) phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm (Xác nhận chị D đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000565 ngày 12/7/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ do chị Vũ Thị C nộp thay).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Hiền Lương;
- Đương sự;
- Lưu HS- AV./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Toàn